

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày 11 - 8 - 2022

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Trần Duy Kiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2022/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 28/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST – DS ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh Th – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 – vắng mặt lần hai không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh Th trình bày:

Quá trình kinh doanh phân bón, ông Th đã nhiều lần bán phân bón cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1 cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 11/01/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Lê Minh Th 10 bao phân SA, 10 bao phân Urê, 6 bao phân Power; với giá là 8.410.000 đồng; ông Th đồng ý cho bà T1 và ông T nợ số tiền 8.410.000 đồng, hai

bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020; nếu quá hạn phải chịu lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Lần 2: Ngày 01/5/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Lê Minh Th 50 bao phân lân, 14 bao phân Urê, 6 bao phân Kli, 10 bao phân SH; với giá 19.370.000 đồng; ông Th đồng ý cho bà T1 và ông T nợ số tiền 19.370.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020; nếu quá hạn phải chịu lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Lần 3: Ngày 21/7/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Lê Minh Th 40 bao phân 20-20 với giá 22.000.000 đồng; ông Th đồng ý cho bà T1 và ông T nợ số tiền 22.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020; nếu quá hạn phải chịu lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Lần 4: Ngày 12/9/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Lê Minh Th 35 bao phân 20-20 với giá 19.250.000 đồng; ông Th đồng ý cho bà T1 và ông T nợ số tiền 19.250.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020; nếu quá hạn phải chịu lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Lần 5: Ngày 18/10/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T chốt bán cho ông Th 200kg cà phê nhân xô đủ độ, ông Th đã giao đủ tiền cho bà T1, ông T; hẹn đến 30/12/2020 sẽ giao 200 kg cà phê nhưng đến hẹn bà T1 ông T chưa giao 200kg cà phê nhân xô đủ độ cho ông Th.

Đến hạn ngày 30/12/2020, ông Th đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà T1, ông T cố tình không trả những khoản nợ trên cho ông Th.

Do đó, ông Th khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải trả:

- Tổng tiền nợ gốc 69.030.000 đồng.
- Tổng tiền lãi trong hạn: 6.703.460 đồng
- Tổng tiền lãi chậm trả 10% tạm tính đến 30/3/2022: 8.724.625 đồng
- 200 kg cà phê nhân xô đủ độ tính theo giá hiện nay (41.600/kg): 8.320.000 đồng.

Tổng cộng: 92.778.085 đồng.

Ông Lê Minh Th có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 chưa chuyển hộ khẩu đi đâu, hiện nay có mặt tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông T, bà T1 nhưng ông bà từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án; ông, bà không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện Tuy Đức giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

- Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác; tại phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do, do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/01/2020 đến 12/9/2020, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 đã 04 lần mua các loại phân bón của ông Lê Minh Th với tổng số tiền phải trả là 69.030.000 đồng, thời hạn trả tiền ngày 30/12/2020; lãi suất thỏa thuận là 1.5%/tháng. Ngày 18/10/2020, ông T, bà T1 bán cho ông Th 200kg cà phê nhân đủ độ, ông Th đã giao đủ tiền, ngày giao cà phê là 30/12/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ, không trả tiền mua phân, tiền lãi và giao cà phê như thỏa thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 279, Điều 280, Điều 351, Điều 356, Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 436, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải trả tổng số tiền 87.027.500 đồng cho ông Lê Minh Th, bao gồm:

- Tiền nợ: 69.030.000 đồng.

- Tiền lãi suất theo hợp đồng đến ngày 30/12/2020: 6.703.460 đồng.

- Lãi suất chậm trả số tiền 69.030.000 đồng từ ngày 31/12/2020 đến ngày 11/8/2022: 11.294.075 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Lê Minh Th 200 kg cà phê nhân xô đủ độ.

Về án phí: Ông T, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, ông Lê Minh Th yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải trả số tiền 69.030.000 đồng và 200 kg cà phê phát sinh từ giao dịch mua bán phân bón và cà phê, đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T, bà T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông, theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: ông T, bà T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn 7, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông T, bà T1 theo quy định nhưng bị đơn ông T, bà T1 không hợp tác, từ chối nhận văn bản tố tụng, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T, bà T1 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 11/01/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Lê Minh Th 10 bao phân SA, 10 bao phân Urê, 6 bao phân Power với giá là 8.410.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020.

Ngày 01/5/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Lê Minh Th 50 bao phân lân, 14 bao phân Urê, 6 bao phân Kli, 10 bao phân SH; với giá 19.370.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020.

Ngày 21/7/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Lê Minh Th 40 bao phân 20-20 với giá 22.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020.

Ngày 12/9/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T mua của ông Lê Minh Th 35 bao phân 20-20 với giá 19.250.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020;.

Ngày 18/10/2020, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T bán cho ông Th 200kg cà phê nhân xô đủ độ, ông Th đã giao đủ tiền cho bà T1, ông T, hẹn đến 30/12/2020 sẽ giao 200 kg cà phê.

Xét thấy, những hợp đồng mua bán hàng hóa giữa ông Lê Minh Th với ông T, bà T1 được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên; quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng các đương sự đều tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng nên giao dịch này là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 430 Bộ luật Dân sự. Quá trình thực hiện giao dịch, ông T, bà T1 không trả tiền và giao 200kg cà phê như đã cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và giao hàng quy định tại Điều 430, Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th, buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1 phải trả số tiền nợ gốc do mua bán tài sản là 69.030.000 đồng và 200 kg cà phê nhân xô đủ độ.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi: Xét thấy, theo giấy mua bán hàng hóa ngày 11/01/2020, ngày 01/5/2020, ngày 21/7/2020, ngày 12/9/2020 thể hiện: thời hạn trả tiền là 30/12/2020, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, đến hạn ông T, bà T1 không trả tiền nợ gốc và lãi như cam kết nên phải chịu tiền lãi với lãi suất theo thỏa thuận đến ngày 30/12/2020 và tiền lãi chậm trả trên số tiền 69.030.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn theo thỏa thuận:

Từ ngày 11/01/2020 đến ngày 30/12/2020, đối với số tiền 8.410.000 đồng:
 $8.410.000 \text{ đồng} \times 354 \text{ ngày} \times 18\%/\text{năm} = 1.488.570 \text{ đồng}.$

Từ ngày 01/05/2020 đến ngày 30/12/2020, đối với số tiền 19.370.000 đồng:
 $19.370.000 \text{ đồng} \times 244 \text{ ngày} \times 18\%/\text{năm} = 2.363.140 \text{ đồng}.$

Từ ngày 21/7/2020 đến ngày 30/12/2020, đối với số tiền 22.000.000 đồng:
 $22.000.000 \text{ đồng} \times 163 \text{ ngày} \times 18\%/\text{năm} = 1.793.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 12/09/2020 đến ngày 30/12/2020, đối với số tiền 19.250.000 đồng:
 $19.250.000 \text{ đồng} \times 110 \text{ ngày} \times 18\%/\text{năm} = 1.058.750 \text{ đồng}.$

Tiền lãi chậm trả trên số tiền 69.030.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 31/12/2020 đến ngày 11/8/2022: Tiền 69.030.000 đồng $\times 589 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 11.294.075 \text{ đồng}.$

Tổng tiền lãi là: 17.997.500 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th; buộc ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Th tổng số tiền là 87.027.500 đồng, trong đó gồm: tiền gốc 69.030.000 đồng và 17.997.500 đồng tiền lãi.

[3.3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh Th được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.351.000 đồng đối với số tiền 87.027.500 đồng; chịu

464.000 đồng đối với 200 kg cà phê nhân đủ độ (theo giá cà phê thị trường tại thời điểm ngày 11/8/2022 là 46.400 đồng/kg x 200kg = 9.280.000 đồng).

Về tiền tạm ứng án phí: Do ông Lê Minh Th được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 279, Điều 280, Điều 351, Điều 356, Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Lê Minh Th số tiền 87.027.500 đồng (*Tám mươi bảy triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 69.030.000 đồng (*Sáu mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) và tiền lãi là 17.997.500 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Lê Minh Th 200kg (*Hai trăm kilogam*) cà phê nhân xô đủ độ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 4.815.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm mười lăm nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu